



Hà nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Tên Công ty đại chúng: **Công ty cổ phần Cokyvina**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Cokyvina**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100684716 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20/5/2013
- Vốn điều lệ: 40.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: 49%, các cổ đông khác: 51%.
- Địa chỉ: 178 Triệu Việt Vương, Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.39781323
- Số fax: 04.39782368
- Website: www.cokyvina.com.vn
- Mã cổ phiếu: CKV

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cokyvina tiền thân là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật và xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Bưu chính Viễn thông gọi tắt là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật -Vật tư Bưu điện, một đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng cục Bưu điện, được thành lập theo quyết định số 372/QĐ-TCCBLĐ ngày 30 tháng 3 năm 1990 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện từ việc hợp nhất hai công ty: Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Việt Nam (1987) và Công ty Vật tư Bưu điện (1955).

Theo Quyết định số 197/QĐ-TCCB của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện ngày 15 tháng 3 năm 1993, Công ty được thành lập lại với tên gọi “Công ty Dịch vụ xuất nhập khẩu Vật tư Bưu điện - COKYVINA”.

Theo Quyết định số 426/TCCB-LĐ ngày 9/9/1996 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, COKYVIA là đơn vị thành viên của Tổng công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam với tên gọi là Công ty Vật tư Bưu điện I.

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần; căn cứ Quyết định số 30/QĐ-ĐMDN/HĐQT ngày 02/02/2000 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc cho phép Công ty Vật tư Bưu điện triển khai thủ tục chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty Vật tư Bưu điện I đã thực hiện Cổ phần hóa. Theo Quyết định số 45/2004/QĐ-BCVT, ngày 05/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông), chuyển Công ty Vật tư Bưu điện I thành Công ty cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông với số vốn Điều lệ ban đầu là: 27.000.000.000 VNĐ (Hai mươi bảy tỷ đồng). Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007704 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/05/2005.

Vốn điều lệ của Công ty ban đầu khi cổ phần hóa là 27 tỷ đồng. Từ đó đến nay Công ty đã thực hiện tăng vốn một lần. Ngày chốt danh sách cổ đông: 30/4/2007. Ngày phát hành: 15/5/2007. Ngày kết thúc đợt phát hành: 01/6/2007. Công ty đã được UBCKNN chấp thuận kết quả đợt phát hành tăng vốn điều lệ này. Vốn điều lệ sau khi phát hành là: 40.500.000.000 VNĐ. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007704 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần 2 ngày 11/03/2008.

Ngày 24/6/2009, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã bán bớt phần vốn Nhà nước tại Công ty, với số lượng 81.000 cổ phần (2% vốn điều lệ) (theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/6/2009) tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại Công ty giảm xuống còn 49%. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007704 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần 3 ngày 01/07/2009.

Ngày 15/12/2009 Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số : 821/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông : Ngày 11/03/2010 cổ phiếu của Công ty COKYVINA đã được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là: CKV

Ngày 15/08/2012 Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính viễn thông đã chuyển đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần COKYVINA .

- *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

Các ngành nghề kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 20% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất bao gồm:

- + Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, vận chuyển, bảo quản hàng hóa, cho thuê kho bãi .

- + Thương mại: Thiết bị viễn thông, bưu chính, máy phát điện, cáp quang, cáp đồng, động cơ hộp số của hãng Siemens...

Địa bàn kinh doanh: các Viễn thông tỉnh/thành phố trực thuộc VNPT, các đơn vị trong và ngoài ngành Viễn thông: VINAPHONE, VASC, VTI, VTN, Huawei, ZTE, Than khoáng sản, Nhà máy xi măng....

3. *Thông tin về mô hình quản trị; tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.
- 04 chi nhánh gồm : Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh TP HCM.
- Các công ty con, công ty liên kết:

1. **Công ty cổ phần NIKKO Việt Nam**

Trụ sở : 27 Nguyễn Trường Tộ, Trung Trực, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 978 2772, 9781586 **Fax :** (84-4) 978 4509

Website : www.nikko.com.vn **Email:** nikkovn@netnam.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103000962 (đăng ký thay đổi lần thứ 10) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 6 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký: 70.922.460.000 VND

Ngành nghề kinh doanh:

- + *Kinh doanh, sản xuất các thiết bị điện, điện tử, các thiết bị vệ sinh;*
- + *Đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hoá tiêu dùng;*
- + *Sản xuất, mua bán, lắp ráp, thi công, lắp đặt các thiết bị điều hoà không khí, điện lạnh, thiết bị chụp ảnh, thiết bị ngành ảnh, thiết bị thu thanh, thiết bị thu hình;*
- + *Khai thác, chế biến và mua các sản phẩm về quặng (trừ các loại Nhà nước cấm)*
- + *Sản xuất, mua bán nước tinh khiết, nước khoáng (Không bao gồm kinh doanh quán bar);*
- + *Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động vắn về giá đất);*
- + *Cho thuê nhà và văn phòng; Xây dựng dân dụng, công nghiệp*

2. Công ty cổ phần cáp Việt Nhật

Trụ sở : KCN Bình Xuyên - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc

Văn phòng đại diện : 296 Lê Trọng Tấn

Điện thoại : 04.35665.129 **Fax :** 043.5665126

Website : www.capvietnhat.com.vn **Email :** vncablester@gmail.com

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103007704 (đăng ký thay đổi lần thứ 02) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký: 100.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh:

- + *Sản xuất cáp viễn thông, cáp điện, nguyên vật liệu viễn thông;*
- + *Đầu tư kinh doanh bất động sản;*
- + *Xây dựng công trình Bưu chính Viễn thông, công trình điện; các công trình dân dụng công nghiệp;*
- + *Xây dựng lắp đặt các công trình thông tin, viễn thông, nhà trạm, cột anten;*
- + *Sản xuất thiết bị, máy móc và các sản phẩm ngành điện, sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi, các sản phẩm điện tử... mua bán máy tính và các thiết bị ngoại vi;*
- + *Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông;*
- + *Máy móc thiết bị điện, vật liệu điện...*
- + *Dịch vụ lắp đặt, bảo hành, bảo trì máy móc thiết bị điện tử, viễn thông, điện...*
- + *Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hành khách bằng ô tô....*

3. Công ty cổ phần du lịch Bưu điện

Văn phòng công ty và trung tâm lễ hành : Số 26 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3776.2216 – 3776.2210 **Fax :** (84-4) 3776.2722

Website : www.dulichbuudien.com.vn **Email :** pttour@dulichbuudien.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103000509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 21/03/2006

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký: 120.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh :

- + *Cơ sở lưu trú;*
- + *Dịch vụ giải trí;*

- + Lữ hành nội địa và quốc tế;
- + Đại lý vé máy bay;
- + Vận chuyển khách du lịch;
- + Đại lý dịch vụ bưu điện và tin học;
- + Các dịch vụ cho thuê văn phòng, phòng họp;
- + Xuất nhập khẩu linh phụ kiện, thiết bị điện tử, viễn thông, tin học;
- + Các dịch vụ cho thuê nhà ở, nhà hàng;
- + Các dịch vụ thương mại;
- + Xuất nhập khẩu nông, lâm, thổ sản, sản phẩm ngành dệt may, máy móc thiết bị vật tư ngành xây dựng;

4. Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Trụ sở chính : Tầng 8 Tòa nhà 4A - Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại : (04) 37724466 . **Fax:** (04) 37724460

Website : www.pti.com.vn

Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:

+ Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;

+ Bảo hiểm cháy, nổ;

+ Bảo hiểm tài sản và thiệt hại;

+ Bảo hiểm tàu.

+ Bảo hiểm trách nhiệm chung;

+ Bảo hiểm vệ tinh;

+ Bảo hiểm xe cơ giới;

+ Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;

+ Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không;

- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

- Giám định tổn thất: Giám định, điều tra, tính toán, phân bổ tổn thất, đại lý giám định tổn thất, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.

Tiến hành hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực sau:

+ Mua trái phiếu chính phủ;

+ Kinh doanh bất động sản;

+ Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp;

+ Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng;

+ Kinh doanh bất động sản;

+ Cho vay theo quy định của Luật tổ chức tín dụng;

+ Góp vốn vào các doanh nghiệp khác;

Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

5. Công ty cổ phần công nghệ cáp quang và thiết bị bưu điện

Trụ sở: Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Văn phòng : 401B Tòa nhà Licogi 13- số 16 Khuất Duy Tiến -Thanh Xuân

Điện thoại : +84-4-3553 6969-(7988)-(7990) **Fax :** +84-4-3553 7989

Website : www.tfp.com.vn **Email :** mailto:info@tfp.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103017110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 7-5-2007.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký: 79.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh

- + Sản xuất cáp quang và thiết bị Bưu chính Viễn thông;
- + Xây dựng chuyên ngành BCVT;
- + Tư vấn lập qui hoạch dự án đầu tư phát triển BCVT;
- + Kinh doanh, XNK vật tư, máy móc, thiết bị chuyên ngành Bưu chính, Viễn thông và ngành in;
- + Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

6. Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap

Trụ sở: Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Văn phòng giao dịch: 25/5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 35.37.7989 **Fax:** (84 4) 35.377.988

Website: www.vinacap.vn **Email:** vinacap@vinacap.vn ;

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103018208 (đăng ký thay đổi lần thứ 03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký: 100.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh

- + Sản xuất kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện tử) và cáp; Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;
- + Sản xuất kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đấu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác;
- + Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng;
- + Mua bán, đại lý phân phối các loại nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- + Nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị Bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- + Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học. Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- + Chuyên giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- + Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;
- + Môi giới Thương mại;
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

7. Công ty cổ phần Viễn thông CSC

Trụ sở: Lô 3 BT6 Khu đô thị Pháp Vân Tứ Hiệp Hoàng Mai Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 36815288 **Fax:** (84.4) 36815299

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103012017 (đăng ký thay đổi lần thứ 08) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 7 năm 2009

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký: 4.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng viễn thông liên lạc, cung cấp dịch vụ viễn thông và kinh doanh các sản phẩm ngành viễn thông.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Nội dung	Số lượng	31/12/2013	Số lượng	01/01/2013
	CP	Giá trị VNĐ	CP	Giá trị VNĐ
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	104.000	1.040.000.000	104.000	1.040.000.000
Công ty CP Viễn thông CSC	104.000	1.040.000.000	104.000	1.040.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Cổ phiếu)	3.467.930	36.188.455.000	3.467.930	
Công ty CP Du lịch Bru điện	98.000	980.000.000	98.000	980.000.000
Tổng công ty CP Bảo hiểm Bru điện	1.046.930	11.483.455.000	1.046.930	11.483.455.000
Công ty CP Nikko Việt Nam	59.500	1.090.000.000	59.500	1.090.000.000
Công ty CP Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bru điện	801.000	8.010.000.000	801.000	8.010.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Việt Nhật	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông NEO	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
Công ty CP Cáp và Vật liệu mạng	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	59.500	-3.753.657.514	1.106.430	-1.216.771.862
Công ty CP Nikko Việt Nam	59.500	-172.086.511	59.500	-376.000.000
Tổng công ty CP Bảo hiểm Bru điện	0	-490.692.862	1.046.930	-840.771.862
Công ty Cổ phần cáp và vật liệu mạng	0	-1.866.879.844	0	0
Công ty Cổ phần du lịch Bru điện	0	-435.623.715	0	0
Công ty Cổ phần công nghệ cáp quang và thiết bị Bru điện	0	-613.420.906	0	0
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Việt Nhật	0	-174.953.676	0	0

Ghi chú: Đầu tư vào Công ty CP Viễn thông CSC với tỷ lệ 26%. Đầu tư cổ phiếu vào các công ty khác với tỷ lệ nắm giữ từ 0.82% đến khoảng 10.22%

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Song song với các hoạt động chủ đạo và truyền thống của Công ty là Kinh doanh thương mại và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu các thiết bị viễn thông thì một trong những định hướng phát triển của Công ty trong năm 2014 đã được Hội đồng quản trị thông qua, đó là việc phát triển mảng sản phẩm thiết bị công nghiệp. Công ty sẽ phải

tập trung nguồn nhân lực và đầu tư nguồn vốn vào dự án dây chuyền lắp ráp sản phẩm công nghiệp Siemen Flender.

• Các rủi ro: Vương mắc trong quá trình thanh quyết toán các hợp đồng hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật: chậm tiến độ từ các Viễn thông tỉnh, dễ xảy ra tranh chấp hợp đồng giữa công ty và các đối tác nước ngoài.

Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

(ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.688.619.945	59.688.619.945
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.688.619.945	59.688.619.945
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.648.708.856	52.050.163.898
4. Doanh thu hoạt động tài chính	8.857.945.188	12.926.963.558
5. Thu nhập khác	2.830.018.688	23.093.964.719
6. Chi phí khác	100.648.348	6.743.801.573
7. Lợi nhuận khác	2.729.370.320	16.350.163.146
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.409.550.298	16.073.409.588
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	934.797.129	4.004.168.182
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.474.753.169	12.069.241.406
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	875	3.041

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ, tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Phạm Ngọc Ninh	1960	Nam Định	Kỹ sư kinh tế thông tin	Chủ tịch HĐQT, TGD	82.020	2,03
2	Đặng Đình Thụ	1955	Nam Định	Kỹ sư điện/Cử nhân ngoại thương	UVHĐQT; P.TGD	28.750	0,71
3	Trần Thị Tuyết Mai	1971	Quảng Trị	Cử nhân Học viện ngân	UVHĐQT, Kế toán	47.400	1,17

7/13

				hàng/Cử nhân luật	trưởng		
4	Nguyễn Đăng Chiêu	1964	Hưng Yên	Cử nhân kinh tế	UVHĐQT	6.800	0,17
5	Nguyễn Minh Châu	1977	Nghệ An	Cử nhân kinh tế	UVHĐQT		
6	Nguyễn Quốc Kế	1956	Hải Dương	Cử nhân kinh tế	P.TGD; Người CBTT	18.820	0,46
7	Lê Thị Phương	1959	Đà Nẵng	Cử nhân chuyên ngành kế toán	Trưởng BKS, GD chi nhánh Đà Nẵng (Đã nghỉ hưu tháng 03/2014)	7.800	0,19
8	Lê Xuân Hoàng	1960	Thanh Hóa	Cử nhân Đại học Ngoại thương	Thành viên BKS	40.940	1,01
9	Phạm Thị Ánh Tuyết	1961	Nghệ An	Kỹ sư xây dựng/Cử nhân kinh tế	Thành viên BKS	3.750	0,09

- Những thay đổi ban điều hành trong năm 2013: Không có sự thay đổi trong ban điều hành
3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến 31/12/2013 tổng số cán bộ, công nhân viên là 100 người.
4. Tình hình tài chính
- a) Tình hình tài chính

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng giá trị tài sản	191.251.852.620	207.389.630.809
Doanh thu thuần	59.688.619.945	135.351.910.982
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(276.753.558)	1.680.179.978
Lợi nhuận khác	16.350.163.146	2.729.370.320

8/13

Lợi nhuận trước thuế	16.073.409.588	4.409.550.298
Lợi nhuận sau thuế	12.069.241.406	3.474.753.169

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đánh giá hoạt động của Công ty:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,66	74,64
	Tài sản cố định /Tổng tài sản	%	9,49	9,17
	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	28,34	25,30
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	59,07	60,61
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	40,93	39,83
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	<i>Lần</i>	1,24	1,25
2.2	Khả năng thanh toán nhanh	<i>Lần</i>	0,33	0,71
3	Tỷ suất sinh lời			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	13,11	3,25
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	10,90	2,56
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	4,09	2,12
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	3,40	1,67
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,31	4,20

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 4.050.000 CP
- Số lượng cổ phiếu được mua lại: 81.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.969.000 CP
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VNĐ/CP
- Cơ cấu cổ đông:

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
--------------	------------------	------------------	-----------

9/13

Báo cáo thường niên năm 2013

Nhà nước	1	1.984.500	49,00
Tổ chức trong nước	8	100.370	2,48
Cổ đông là CBCNV	33	73.330	1,81
HĐQT, BGD, BKS	9	527.080	13,01
CD có liên quan	4	170.800	4,22
Cá nhân			
+ Trong nước:	345	731.620	18,06
+ Ngoài nước:	8	381.300	9,41
Cổ phiếu quỹ		81.000	2,00
Tổng số		4.050.000	100%

b) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Ngọc Ninh	Chủ tịch HĐQT, TGD	82.020	2,03	82.020	2,03	Không thay đổi tỷ lệ sở hữu
2	Trần Thị Tuyết Mai	UVHĐQT, Kế toán trưởng	47.400	1,17	47.400	1,17	Không thay đổi tỷ lệ sở hữu
3	Nguyễn Đăng Chiểu	UVHĐQT	297.600	7,35	6.800	0,17	Giảm tỷ lệ sở hữu
4	Lê Xuân Hoàng	Thành viên BKS	40.940	1,01	40.940	1,01	Không thay đổi tỷ lệ sở hữu
5	Nguyễn Thị Mai Hương	Con gái ruột ông Nguyễn Đăng Chiểu	169.000	4,17	256.600	6,36	Tăng tỷ lệ sở hữu

II. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :

- Ban Giám đốc đã ra soát lại các quy chế tổ chức, hoạt động của Các chi nhánh và Trung tâm kinh doanh dịch vụ nhằm tăng cường tự chủ và hướng tới mục tiêu kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Phê duyệt các quyết định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo chủ chốt thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

10/13

Báo cáo thường niên năm 2013

- Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh của công ty đạt kết quả cao, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế năm 2014 theo kế hoạch đề ra.

III. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tăng giảm TSCĐ hữu hình: (ĐVT: VNĐ)

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2013	21.542.011.415	1.792.217.375	1.270.303.983	5.734.128.127	30.338.660.900
Tại 31/12/2013	9.095.274.799	0	200.926.351	1.536.296.297	10.832.497.447

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.109.434.010 đ

-Tăng giảm TSCĐ vô hình

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao. Cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất tại số 02, Thanh Hải, TP Đà Nẵng nguyên giá là 7.291.451.250 đ.

+ Quyền sử dụng đất tại số 10, Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, nguyên giá là 912.000.000 đ

b) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức: “Thành lập 02 trung tâm mới trực thuộc Công ty”. Đó là Trung tâm Thương mại Công nghiệp với chức năng phát triển các sản phẩm, thiết bị công nghiệp của hãng Siemens – Flender, Nextrom. Trung tâm Kinh doanh Dịch vụ với chức năng đẩy mạnh dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu cho các đơn vị trong và ngoài ngành, tìm kiếm các khách hàng mới. Bên cạnh đó, chuyển đổi Nhà máy Cấp Cokyvina thành Trung tâm Sản xuất, vận chuyển và Bảo quản hàng hóa, tập trung nguồn nhân lực và đầu tư nguồn vốn vào dự án dây chuyền lắp ráp sản phẩm công nghiệp Siemens – Flender.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Quản trị công ty

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ, t ên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Ngọc Ninh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	2,03
2	Đặng Đình Thụ	Ủy viên Hội đồng quản trị	0,71
3	Nguyễn Minh Châu	Ủy viên Hội đồng quản trị	
4	Trần Thị Tuyết Mai	Ủy viên Hội đồng quản trị	1,17
5	Nguyễn Đăng Chiêu	Ủy viên Hội đồng quản trị	0,17

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

11/13

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Phạm Ngọc Ninh	CTHĐQT	4	100%	
02	Ông Đặng Đình Thọ	UVHĐQT	4	100%	
03	Ông Nguyễn Đăng Chiêu	UVHĐQT	4	100%	
04	Bà Trần Thị Tuyết Mai	UVHĐQT	4	100%	
05	Bà Nguyễn Minh Châu	UVHĐQT	4	100%	

c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 26/04/2012.

- Thay đổi tên Công ty (tên cũ “Công ty cổ phần thương mại Bưu chính Viễn thông” sang tên mới “Công ty cổ phần COKYVINA”). ;

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, thực hiện đúng theo các quy định của Công ty và Pháp luật của Nhà nước. Mọi vấn đề ra quyết định của Hội đồng quản trị đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành. Mọi cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát. Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với Hội đồng quản trị đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

2. **Ban Kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ, tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lê Thị Phương	Trưởng ban	0.19
2	Lê Xuân Hoàng	Thành viên	1.01
3	Phạm Thị Ánh Tuyết	Thành viên	0.09

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia các ý kiến, kiểm tra giám sát Hội đồng quản trị trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

- Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc chấp hành các quy định về tài chính, kế toán của Công ty.

- Kiểm tra, thẩm định báo cáo quyết toán tài chính và kiểm soát trực tiếp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của công ty

c) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

12/13

Báo cáo thường niên năm 2013

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao và phụ cấp đã trừ thuế TNCN	586.452.021
Ban Giám đốc	Tiền lương và thưởng đã trừ thuế TNCN	1.433.885.867

d) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Ngọc Ninh	Chủ tịch HĐQT, TGD	82.020	2,03	82.020	2,03	Không thay đổi tỷ lệ sở hữu
2	Trần Thị Tuyết Mai	UVHĐQT, Kế toán trưởng	47.400	1,27	47.400	1,17	Không thay đổi tỷ lệ sở hữu
3	Nguyễn Đăng Chiêu	UVHĐQT	297.600	7,35	6.800	7,35	Tăng tỷ lệ sở hữu
4	Lê Xuân Hoàng	Thành viên BKS	40.940	01,01	40.940	1,01	Không thay đổi tỷ lệ sở hữu
5	Nguyễn Thị Mai Hương	Con gái ruột ông Nguyễn Đăng Chiêu	169.000	4,17	256.600	6,36	Tăng tỷ lệ sở hữu

e) Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán:* Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cokyvina, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán:* (đã nộp lên UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

Xác nhận Đại diện theo pháp luật của công ty

